

BẢN TIN



KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN - ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NINH THUẬN

Đ/c: 66H Hải Thượng Lãn Ông, P. Tấn Tài – TP Phan Rang – Tháp Chàm – Ninh Thuận. ĐT: 0259.3922687 Fax: 0259.3922687



SỐ 6

**Chấm thi vòng sơ khảo cuộc
thi Khởi nghiệp sáng tạo
tỉnh Ninh Thuận năm 2024**



**Chú trọng công tác nghiên
cứu, bảo tồn nguồn gen**



**Ban hành chiến lược Quốc
gia về Ứng dụng và Phát
triển công nghệ chuỗi khối
đến năm 2030**



MỤC LỤC

NỘI DUNG

Chấm thi vòng sơ khảo cuộc thi Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Ninh Thuận năm 2024.....	3
Chú trọng công tác nghiên cứu, bảo tồn nguồn gen	8
Ban hành chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối đến năm 2030	10
Phê duyệt chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	14
Phê duyệt chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050"	17
Thông tư số 06/2024/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	24

CHẤM THI VÒNG SƠ KHẢO CUỘC THI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TỈNH NINH THUẬN NĂM 2024

Ngày 04/10/2024, Ban Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Thuận năm 2024 tổ chức chấm thi vòng sơ khảo cuộc thi Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Ninh Thuận năm 2024. Tham dự vòng chấm thi sơ khảo có Đại diện Ban Tổ chức cuộc thi. - Các thành viên của Hội đồng Giám khảo và Thư ký hội đồng theo Quyết định số 146/QĐ-BTC ngày 21/10/2024 của Ban Tổ chức Cuộc thi và các tác giả/nhóm tác giả dự thi.



Phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đang được thúc đẩy và lan tỏa mạnh mẽ trong các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân. Chính phủ đã cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách, ban hành khung khổ pháp lý và các đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia. Đây là nền tảng pháp lý quan trọng để hệ sinh thái khởi nghiệp - sáng tạo phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam.

Cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Ninh Thuận năm 2024 sẽ góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tạo sự lan tỏa đến đông đảo người dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, từng bước hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho tỉnh Ninh Thuận; khơi dậy đam mê khởi nghiệp của thế hệ trẻ từ đó tìm kiếm, chọn lọc, tôn

vinh và hỗ trợ triển khai các sản phẩm, dự án tiềm năng; đồng thời, thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của xã hội, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đối với các sản phẩm, dự án khởi nghiệp sáng tạo và có tiềm năng phát triển.

Cuộc thi lần này đã nhận được 46 dự án, ý tưởng khởi nghiệp từ các tác giả, nhóm tác giả đăng ký dự thi. Qua đó, Ban Tổ chức đã phân loại và chia làm 02 lĩnh vực chấm thi, gồm: 27 dự án, ý tưởng thuộc lĩnh vực công nghệ - kỹ thuật- nông nghiệp; 19 dự án, ý tưởng thuộc lĩnh vực công nghệ chế biến- y tế và lĩnh vực khác.



Tại vòng sơ khảo, các tác giả sẽ thuyết trình trực tiếp trước Hội đồng Giám khảo về ý tưởng, dự án của mình. Tổng kết điểm, Ban Tổ chức sẽ thông báo kết quả chọn 15 dự án, ý tưởng có số điểm cao nhất vào vòng chung kết và được tham gia chương trình đào tạo, huấn luyện cho vòng chung kết.

Một số hình ảnh thuyết trình của các dự án:



Dự án: Các giải pháp nâng cao giá trị muối Phương Hải và Phát huy nghề muối truyền thống Ninh Thuận



Dự án: Thức uống giải nhiệt Herbal Spring



Dự án: Hệ thống quản lý vé xe- Dailyve



Dự án: Xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh đặc sản bánh bột lọc Huyên Tâm



Dự án: Khu vườn xanh Asaly Garden



Dự án: Nhân rộng mô hình trồng và chế biến các sản phẩm từ quả Siro

CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, BẢO TỒN NGUỒN GEN

Thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tham mưu UBND tỉnh triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Qua đó, chọn tạo được một số giống sinh vật, nguồn tài nguyên sinh học để phát triển sản xuất.

Từ đầu năm 2024 đến nay, Sở KH&CN đã tổ chức theo dõi, quản lý 7 nhiệm vụ KH&CN ở lĩnh vực bảo tồn nguồn gen, gồm: Bảo tồn, sử dụng bền vững nguồn gen bò tót lai F1 giữa bò cái nhà và bò tót đực; bảo tồn, lưu giữ nguồn gen 14 giống xương rồng Nopal; thu thập, bảo tồn và khai thác nguồn gen cây nho phục vụ cho công tác chọn tạo giống, nghiên cứu khoa học và phát triển bền vững cây nho; bảo tồn nguồn gen nấm quế linh chi có nguồn gốc từ Vườn quốc gia Phước Bình; bảo tồn nguồn gen cây sa nhân; khai thác và phát triển nguồn gen mạn kinh tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc; nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số nguồn gen thanh thiên quỳ.

Một số nhiệm vụ khai thác, phát triển nguồn gen vật nuôi và cây trồng đã góp phần phục tráng, hoàn thiện việc đánh giá bổ sung một số đặc tính sinh học, sinh sản, dinh dưỡng, thương phẩm, phân bố và khả năng phát triển nhân rộng nguồn gen quý hiếm. Đối với phát triển nguồn gen vật nuôi, đáng kể là nhiệm vụ bảo tồn, sử dụng bền vững nguồn gen bò tót lai F1 giữa bò cái nhà và bò tót đực đang tiếp tục được chăm sóc nuôi dưỡng, theo dõi sức khỏe, phòng trị bệnh cho quần thể đàn bò tót lai. Đàn bò tót lai hiện có 12 con, được Ban Quản lý Vườn quốc gia Phước Bình nuôi dưỡng, phát triển tốt, bò đực lai trọng lượng khoảng 450-500kg, nặng gấp hai lần so với bò nhà; một số con đã dần lộ 4 chân màu trắng, đặc điểm nhận dạng đặc trưng của bò tót.



Cán bộ Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ) kiểm tra sự phát triển của cây từ nuôi cấy mô tế bào thực vật. Ảnh: V.Miên

Công tác phát triển trực tiếp nguồn gen các loại cây trồng cũng được quan tâm, đã xác định và bình tuyển được một số giống cây trồng triển vọng phục vụ sản xuất. Cụ thể, tiếp tục theo dõi thu và thập số liệu tình hình sinh trưởng cây xương rồng Nopal. Xây dựng vườn sưu tập giống nho mới và lưu giữ, bảo quản, đánh giá các nguồn gen nho hiện có; đánh giá sơ bộ và chi tiết nguồn gen theo các chỉ tiêu sinh học phù hợp nhằm phục vụ công tác chọn tạo giống mới; thử nghiệm các giải pháp nhân giống cho các mẫu giống nho được tuyển chọn, thiết lập và chia sẻ dữ liệu, hệ thống thông tin tư liệu về nguồn gen cây nho. Triển khai nhân giống trong phòng thí nghiệm và nuôi 2.000 phôi cho phát tán giống nấm quý linh chi, chuẩn bị vật liệu hoàn thiện quy trình sản xuất trà túi lọc và cao nấm. Tiến hành nghiên cứu xác định thời điểm thu hoạch dược liệu mạn kinh cho lượng hoạt chất cao nhất, khảo sát độc tính bán trường diễn của cao chiết mạn kinh và tác dụng kháng viêm mạn của cao chiết mạn kinh, nhân nuôi thành công tế bào ung thư vú, ung thư gan, ung thư phổi sẵn sàng cho đánh giá tác dụng của cao chiết.

Công tác nghiên cứu, bảo tồn nguồn gen gần đây đã có chuyển biến tích cực. Ngành chức năng đã xác định và bình tuyển được nhiều giống cây trồng triển vọng để đưa vào sản xuất hàng hóa. Đơn cử, Vườn quốc gia Phước Bình đã tuyển chọn và nuôi cấy thành công nấm quý linh chi quý hiếm. Đây là loại nấm có giá trị cao về mặt thương phẩm, dược phẩm và y học. Đơn vị đã công bố các hoạt chất có giá trị dược liệu trong nấm quý linh chi và hoàn thiện được quy trình nuôi trồng là điều kiện để chuyển giao, nhân rộng mô hình sản xuất nấm cho người dân trong vùng. Việc phát triển, tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn gen vật nuôi góp phần cung cấp nguyên liệu di truyền phục vụ phát triển ngành chăn nuôi đã khẳng định vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo tồn nguồn gen.

Nguồn: <https://baoninhthuan.com.vn/>

BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHUỖI KHỐI ĐẾN NĂM 2030

Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc vừa ký Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22/10/2024 ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.



Chiến lược nêu rõ tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia thuộc nhóm các nước dẫn đầu trong khu vực và có vị thế quốc tế trong nghiên cứu, triển khai, ứng dụng và khai thác công nghệ chuỗi khối; đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ chuỗi khối trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, thực hiện hóa mục tiêu Việt Nam trở thành quốc gia số ổn định và thịnh vượng.

Tăng cường ứng dụng công nghệ chuỗi khối

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược đến năm 2025, thiết lập nền tảng phát triển công nghệ chuỗi khối: Hình thành Hạ tầng chuỗi khối Việt Nam bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân phục vụ các hoạt động phát triển, triển khai, vận hành và bảo trì các ứng dụng chuỗi khối; hỗ trợ khả năng tương tác, tích hợp và chia sẻ giữa các chuỗi khối; hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về hoạt động ứng dụng và phát triển chuỗi khối.

Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển ứng dụng công nghệ chuỗi khối tại 03 trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia; xây dựng và nâng cấp được 10 cơ sở nghiên cứu và đào tạo nhằm xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ chuỗi khối; công nghệ chuỗi khối được đưa vào khung chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, các cơ sở nghiên cứu.

Thúc đẩy, tăng cường ứng dụng công nghệ chuỗi khối: Lựa chọn, hình thành tối thiểu 01 trung tâm/đặc khu/địa bàn thử nghiệm về chuỗi khối để hình thành mạng lưới quốc gia về chuỗi khối; ưu tiên triển khai tại các đơn vị đã có kinh nghiệm triển khai về mạng lưới chuỗi khối của địa phương.

Hình thành hệ sinh thái "Blockchain+" thông qua hoạt động ứng dụng công nghệ chuỗi khối trong các ngành, lĩnh vực như tài chính - ngân hàng, giao thông - vận tải, y tế, giáo dục và đào tạo, thương mại, logistic, bưu chính - chuyển phát, sản xuất công nghiệp, năng lượng, du lịch, nông nghiệp, cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực khác.

Đến năm 2030, Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia dẫn đầu trong khu vực về phát triển chuỗi khối

Mục tiêu đến năm 2030, củng cố và mở rộng Hạ tầng chuỗi khối quốc gia cung cấp dịch vụ cả trong và ngoài nước; ban hành tiêu chuẩn về ứng dụng và phát triển chuỗi khối tại Việt Nam.

Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia dẫn đầu trong khu vực và trên thế giới về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển chuỗi khối. Xây dựng được 20 thương hiệu blockchain uy tín về nền tảng, sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng công nghệ chuỗi khối trong khu vực.

Duy trì vận hành tối thiểu 03 trung tâm/đặc khu thử nghiệm về công nghệ chuỗi khối tại các thành phố lớn để hình thành mạng lưới quốc gia về chuỗi khối. Có đại diện nằm trong Bảng xếp hạng nhóm 10 Cơ sở đào tạo và nghiên cứu về chuỗi khối dẫn đầu trong khu vực châu Á.

Tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động ứng dụng và phát triển chuỗi khối

Để đạt được các mục tiêu trên, một trong những nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược là xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động ứng dụng và phát triển chuỗi khối. Trong đó, rà soát, nghiên cứu và đánh giá ảnh hưởng của hành lang pháp lý hiện hành với các giải pháp, ứng dụng chuỗi khối. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách và tiêu chuẩn về nền tảng, sản phẩm, ứng dụng và dịch vụ chuỗi khối đảm bảo tính liên thông và tính mở của các bên tham gia vào các giao dịch dựa trên công nghệ chuỗi khối.

Tăng cường hướng dẫn và điều chỉnh công nghệ chuỗi khối. Nâng cao hiệu lực các quy định của pháp luật trong quản lý công nghệ chuỗi khối để thúc đẩy sự phát triển an toàn, tin cậy của công nghệ chuỗi khối.

Phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung, tạo không gian hình thành hệ sinh thái phát triển công nghiệp chuỗi khối

Phát triển Hạ tầng chuỗi khối Việt Nam phục vụ đa mục tiêu. Xây dựng, phát triển Hạ tầng chuỗi khối Việt Nam đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đáp ứng đa mục tiêu, thúc đẩy ứng dụng và phát triển chuỗi khối tại Việt Nam.

Xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng và phát triển nền tảng quản trị, vận hành Hạ tầng chuỗi khối Việt Nam. Phát triển các nền tảng chuỗi khối Make in Việt Nam. Xây dựng các cơ chế vận hành, khai thác và tương tác, liên thông giữa các loại hình mạng chuỗi khối hoạt động trên Hạ tầng chuỗi khối Việt Nam.

Phát triển công nghiệp chuỗi khối gắn với chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số tạo động lực đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đẩy nhanh quá trình tích hợp ứng dụng công nghệ chuỗi khối và các công nghệ tiên tiến của cuộc Cách mạng lần thứ tư như: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật,... đồng thời, thúc đẩy phát triển và ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ tích hợp ứng dụng công nghệ chuỗi khối.

Phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung, tạo không gian hình thành hệ sinh thái phát triển công nghiệp chuỗi khối và công nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy xây dựng các trung tâm ươm tạo và thu hút đầu tư cho phát triển doanh nghiệp công nghệ số trong lĩnh vực chuỗi khối. Triển khai các giải pháp huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển doanh nghiệp và thương hiệu về chuỗi khối tại Việt Nam.

Tập hợp các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam xây dựng các nền tảng chuỗi khối (blockchain platform) thúc đẩy chia sẻ thông tin, nâng cao nội lực cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.

Nguồn: <https://www.vista.gov.vn/>

PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC HẠ TẦNG SỐ ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình vừa ký Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 9/10/2024 phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.



Đến năm 2025 phổ cập cáp quang đến các hộ gia đình

Mục tiêu Chiến lược đặt ra là đến năm 2025 phổ cập cáp quang đến các hộ gia đình; 100% các tỉnh, thành phố, các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo, khu công nghiệp, nhà ga/cảng biển/sân bay quốc tế có dịch vụ di động 5G.

Năm 2025 đưa vào khai thác tối thiểu 2 tuyến cáp quang biển quốc tế mới; hình thành các trung tâm dữ liệu hỗ trợ các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI Data Center); phát triển các trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) không vượt quá 1,4.

Phân đầu trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT - Internet of Things); mỗi người dân có 01 định danh số. Tỷ lệ dân số trưởng thành

có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt trên 50%; phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng,...) như dịch vụ, đóng vai trò là hạ tầng mềm để phát triển kinh tế, xã hội.

Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số

Đến năm 2030, 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số; xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.

Triển khai và đưa vào hoạt động thêm tối thiểu 06 tuyến cáp quang biển mới, nâng tổng dung lượng thiết kế cáp quang trên biển đạt tối thiểu 350 Tbps.

Hoàn thành và đưa vào sử dụng thêm tối thiểu 01 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ; triển khai và đưa vào sử dụng thêm tối thiểu 01 tuyến cáp quang đất liền quốc tế. Tổng dung lượng cáp quang biển thiết kế đáp ứng nhu cầu dự phòng tối thiểu 1+2 (dung lượng khả dụng gấp 03 lần dung lượng sử dụng thực tế).

Đồng thời, phát triển các Trung tâm dữ liệu siêu lớn (Hyperscale Data Center); Trung tâm dữ liệu hỗ trợ các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Trung tâm dữ liệu biên đáp ứng yêu cầu trong nước và sẵn sàng phát triển các Trung tâm dữ liệu khu vực (Digital Hub).

Số lượng kết nối IoT đạt mức trung bình cao của thế giới hoặc trung bình mỗi người dân 04 kết nối IoT; Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt trên 70%.

Để đạt được những mục tiêu trên, Chiến lược đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm đối với từng hạ tầng. Cụ thể, đối với hạ tầng viễn thông và Internet: Phổ cập kết nối tốc độ cao, độ trễ thấp đến hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức bao gồm: cáp quang; wifi thế hệ mới;...

Tăng cường đầu tư phát triển các hệ thống truyền dẫn quốc tế (cáp quang biển, đất liền, vệ tinh), truyền dẫn trong nước dung lượng lớn, bảo đảm nhu cầu dự phòng, kết nối đa dạng, an toàn, bền vững.

Các doanh nghiệp viễn thông đầu tư, sử dụng chung các tuyến cáp quang quốc tế, bảo đảm khai thác hiệu quả dung lượng, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư. Đồng thời nghiên cứu, đầu tư tối thiểu 02 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ. Xây dựng phương án triển khai nhanh tuyến cáp quang biển mới (thời gian hoàn thành dưới 02 năm) dự phòng trường hợp phát sinh tăng trưởng đột biến nhu cầu.

Tập trung mở rộng vùng phủ sóng, chất lượng dịch vụ mạng di động 5G tại các khu vực trọng điểm: Khu vực hành chính công; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm; cơ sở y tế; các trường cao đẳng, đại học; đầu mối giao thông; hệ thống đường bộ, đường sắt và đường thủy; trung tâm thương mại; khu dân cư phức hợp; khu vực tập trung đông dân cư; các tòa nhà thương mại, khách sạn; các thị trấn và khu vực trọng điểm ở nông thôn; triển khai sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) cho toàn bộ mạng Internet Việt Nam...

Hạ tầng dữ liệu (trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây): Phát triển, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu (bao gồm: các trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững, theo tiêu chuẩn xanh); thu hút đầu tư trong và ngoài nước triển khai các trung tâm dữ liệu siêu lớn (Hyperscale Data Center); Trung tâm dữ liệu hỗ trợ các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Trung tâm dữ liệu biên; phát triển các trung tâm dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia; trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp vùng.

Hạ tầng vật lý - số: Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

Phát triển hạ tầng vật lý – số bảo đảm sự vận hành rộng khắp, nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, tăng sự linh hoạt trong triển khai các hệ thống giúp giảm thiểu thời gian triển khai, nâng cao hiệu quả.

Xây dựng, thúc đẩy khả năng tương tác, giao tiếp giữa các thiết bị IoT, mạng lưới thông qua các phần mềm trung gian (Middleware); tận dụng cơ sở hạ tầng mạng di động 4G, 5G cho các giải pháp IoT, khai thác sức mạnh của điện toán đám

mây, và tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) để phát triển các ngành công nghiệp.

Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nhà máy thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh... để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế...

Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ: Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

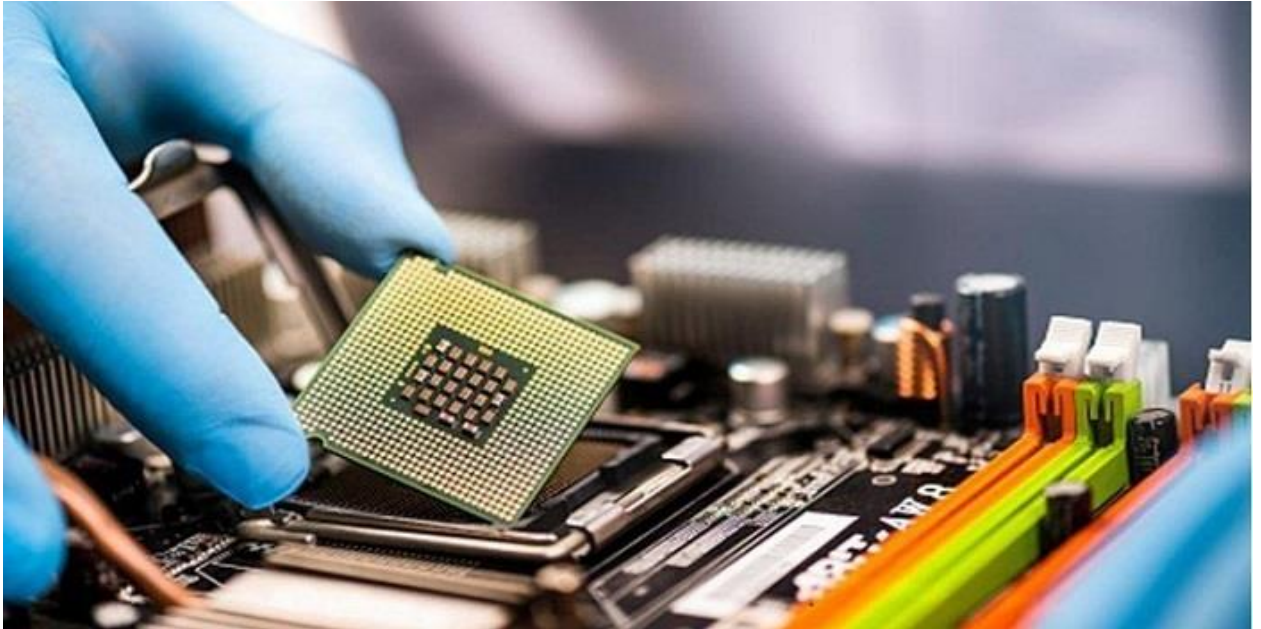
Tiện ích số được thiết kế để cung cấp hạ tầng mềm cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các chức năng cốt lõi của giao dịch số – bắt đầu từ danh tính số, thanh toán số, hóa đơn số, xác minh tài liệu số và trao đổi dữ liệu. Các tiện ích số và các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ mới sẽ được phát triển đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số, xã hội số.

Phát triển các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ sử dụng ít dữ liệu hơn, cần ít sức mạnh tính toán hơn và tiêu thụ ít năng lượng hơn cung cấp công nghệ AI, blockchain, IoT như dịch vụ và sử dụng dịch vụ công nghệ AI, blockchain, IoT để thông minh hoá, tự động hoá các hoạt động kinh tế, xã hội...

Nguồn: <https://www.vista.gov.vn/>

PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH "PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050"

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long vừa ký Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 phê duyệt Chương trình "*Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050*".



Theo Quyết định, mục tiêu chung là đến năm 2030, Việt Nam đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn có chất lượng, tập trung vào công đoạn thiết kế vi mạch bán dẫn, đóng gói và kiểm thử vi mạch bán dẫn; từng bước nắm bắt công nghệ trong công đoạn sản xuất bán dẫn; trong đó đào tạo được ít nhất 50.000 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn trong tất cả các công đoạn của chuỗi giá trị trong ngành công nghiệp bán dẫn. Đến năm 2050, Việt Nam có đội ngũ nhân lực mạnh, gia nhập vào chuỗi giá trị ngành công nghiệp bán dẫn toàn cầu; đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu phát triển ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam cả về chất lượng và số lượng.

Mục tiêu cụ thể, phân đầu đến năm 2030: Đào tạo ít nhất 50.000 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn, trong đó, đào tạo ít nhất 42.000 kỹ sư, cử nhân; có ít nhất 7.500 học viên thạc sĩ và 500 nghiên cứu sinh; đào tạo ít nhất 15.000 nhân lực trong công đoạn thiết kế, ít nhất 35.000 nhân lực trong công đoạn sản xuất, đóng gói, kiểm thử và các công đoạn khác của ngành công nghiệp bán dẫn; đào tạo ít nhất 5.000 nhân lực có chuyên môn sâu về trí tuệ nhân tạo phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn.

Bên cạnh đó, đào tạo chuyên sâu về công nghiệp bán dẫn cho 1.300 giảng viên của Việt Nam giảng dạy tại các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở hỗ trợ đào tạo và doanh nghiệp.

Căn cứ khả năng cân đối, ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư để hình thành, nâng cấp và hiện đại hóa 04 phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia và các phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở phục vụ đào tạo nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn tại khoảng 18 cơ sở giáo dục đại học công lập ở 03 miền Bắc, Trung và Nam.

Đến năm 2050, phấn đấu đáp ứng đủ nhu cầu tại Việt Nam về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn trong tất cả các công đoạn của chuỗi giá trị. Các cơ sở đào tạo, đặc biệt các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển ngành công nghiệp bán dẫn của Việt Nam.

7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Quyết định cũng nêu rõ 7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp thực hiện gồm:

1. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy hợp tác các bên Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp, với một số định hướng chính sách gồm:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, ưu đãi về đầu tư, tài chính, kế toán, thuế để bảo đảm thuận lợi trong việc đầu tư, hỗ trợ, tài trợ kinh phí đào tạo, nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ, ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp để phát triển nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn tại các viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở hỗ trợ đào tạo;

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút nhân tài trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia quốc tế trong ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo tham gia làm việc tại Việt Nam: Cơ chế lương, thưởng cạnh tranh với các quốc gia trong khu vực. Chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân; Hỗ trợ về thị thực lao động dài hạn; đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các chuyên gia quốc tế; Hỗ trợ về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội và nơi lưu trú cho thân

nhân của nhân lực trình độ cao, giảng viên, chuyên gia cao cấp làm việc trong ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam.

2. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ đào tạo

Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở hỗ trợ đào tạo và các tổ chức có liên quan chủ động bố trí hoặc huy động nguồn lực hợp pháp để đầu tư phát triển phòng thí nghiệm bán dẫn bảo đảm phục vụ cho nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của đơn vị.

Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, phần mềm bản quyền để hình thành, nâng cấp và hiện đại hóa các phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở phục vụ đào tạo nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn tại 18 cơ sở giáo dục đại học công lập. Các cơ sở giáo dục đại học công lập dự kiến tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này được ưu tiên xem xét đầu tư. Trong quá trình triển khai, danh sách các cơ sở giáo dục đại học công lập dự kiến nêu trên có thể được điều chỉnh tùy theo điều kiện thực tế và hồ sơ đề xuất.

Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư, xây dựng, nâng cấp và hiện đại hóa 04 phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

3. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp về tổ chức đào tạo

Ưu tiên học bổng cho người học theo học các chương trình đào tạo tài năng, cho người học chương trình đào tạo về công nghiệp bán dẫn theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.

Đào tạo nhân lực trình độ đại học: Rà soát, xây dựng, ban hành và hướng dẫn thực hiện chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn; Phát triển ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến thiết kế vi mạch, công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn trong hệ thống giáo dục đại học; Phát triển các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế;

Đào tạo nhân lực trình độ sau đại học: Xây dựng và triển khai các chương trình trao đổi, hỗ trợ học bổng tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong

và ngoài nước; Tăng cường phối hợp giữa viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

4. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp về huy động, đa dạng hóa nguồn lực

Ngoài nguồn ngân sách trung ương, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương, các nguồn vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong đào tạo nguồn nhân lực bán dẫn. Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở đào tạo tư thực thành lập Quỹ đào tạo và phát triển nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn.

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức có liên quan lồng ghép các chương trình, dự án khác từ các nguồn vốn trong nước, ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, dự án thuộc phạm vi Chương trình.

5. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng hệ sinh thái, tạo đầu ra cho nguồn nhân lực, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp

Ươm tạo doanh nghiệp và khuyến khích khởi nghiệp ngành công nghiệp bán dẫn, tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp hỗ trợ ngành công nghiệp bán dẫn. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực lao động, tài chính và công nghệ bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp bán dẫn.

Thu hút nhân tài, hợp tác với các nhân sự cao cấp trong các tập đoàn bán dẫn lớn tham gia vào quá trình giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ sở hỗ trợ đào tạo và ươm tạo, phát triển doanh nghiệp trong nước.

6. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp về nghiên cứu và phát triển

Thúc đẩy phát triển các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, tăng cường gắn kết đào tạo nhân lực trình độ sau đại học với hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực bán dẫn thông qua thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

Ưu tiên bố trí nguồn lực và cân đối ngân sách nhà nước hằng năm để hỗ trợ, tài trợ các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm vi mạch bán dẫn tại các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp.

7. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp khác

Truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của Chương trình, của ngành công nghiệp bán dẫn và khối ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học (STEM), tạo phong trào thi đua sôi nổi trong thực hiện phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn và các nội dung của Chương trình.

Tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt là với các quốc gia, vùng lãnh thổ phát triển ngành công nghiệp bán dẫn để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu ngành công nghiệp bán dẫn; khuyến khích các cơ sở giáo dục của Việt Nam xây dựng, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, học viên với các cơ sở giáo dục, nghiên cứu về ngành công nghiệp bán dẫn có uy tín trên thế giới.

Kinh phí thực hiện Chương trình

Theo Quyết định, kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trong đó, ngân sách nhà nước bố trí để hỗ trợ thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển cho việc đầu tư hình thành, nâng cấp, hiện đại hóa 04 phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, thành phố Đà Nẵng và các phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở phục vụ đào tạo nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn tại 18 cơ sở giáo dục đại học công lập; việc hỗ trợ đầu tư các thiết bị, máy móc, phần mềm của phòng thí nghiệm phục vụ phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Nguồn chi thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ đào tạo; duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành các phòng thí nghiệm bán dẫn; nghiên cứu và phát triển; xây dựng hệ sinh thái, tạo đầu ra cho nguồn nhân lực; truyền thông, khen thưởng... theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối điều phối, đánh giá quá trình triển khai Chương trình

Quyết định nêu rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối điều phối, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai Chương trình; định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trong đó đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (nếu có); trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp bán dẫn ở Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học xây dựng đề án đề xuất đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ phát triển công nghiệp bán dẫn; lựa chọn các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học và ban hành kế hoạch đào tạo theo mục tiêu của Chương trình.

Bộ Tài chính căn cứ đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương và khả năng cân đối ngân sách trung ương, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình theo pháp luật về ngân sách nhà nước.

**THÔNG TƯ SỐ 06/2024/TT-BKHCN NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2024 CỦA
BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Theo đó, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

Tại Điều 1 của Thông tư quy định sửa đổi, bổ sung một số điều:

“Điều 3. Hình thức xử phạt bổ sung

Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ chức, cá nhân vi phạm theo nguyên tắc đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính. Biện pháp đình chỉ toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ chức, cá nhân vi phạm áp dụng đối với trường hợp toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ này liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính.”.

“Điều 4. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xem xét, áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính là tạm giữ tên miền khi nhận được các tài liệu hợp lệ của chủ thể kiến nghị xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến việc chiếm hữu, sử dụng tên miền được quy định tại Điểm a Khoản 16 Điều 14 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, bao gồm:

1. Đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính “tạm giữ tên miền” (bằng văn bản riêng hoặc thể hiện trong đơn kiến nghị xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến việc chiếm hữu, sử dụng tên miền);

2. Văn bản ủy quyền theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP (nếu có);

3. Tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến việc chiếm hữu, sử dụng tên miền theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Thông tư này.”.

Đồng thời, tại Điều 1 của Thông tư còn sửa đổi, bổ sung Điều 1; Điều 6; Điều 7; Điều 10; điểm c và điểm d khoản 3 Điều 13; Điều 18; khoản 2 Điều 19; Điều 22; khoản 2, khoản 3 của Điều 23; Điều 24; Điều 28 và Sửa đổi, bổ sung tên Mục 2 Chương II, Chương III và tên Điều 23.

Tại Điều 2 của Thông tư này quy định thay thế một số cụm từ, điểm, khoản, điều quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ như: “Trung cầu giám định”; “Sản phẩm/phần sản phẩm”; “Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp”; “Doanh nghiệp”; “Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam hoặc Công báo đăng ký quốc tế nhãn hiệu của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới”; “Đơn yêu cầu xử lý vi phạm”; “Các Điều 5 và Điều 8 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi và một số hướng dẫn sau” ...

Ngoài ra, Điều 2 của Thông tư này cũng quy định bãi bỏ Điều 2; Điều 5; khoản 2 Điều 8; các khoản 3, 4 Điều 14; điểm c khoản 2 Điều 15; Điều 17; khoản 1 Điều 23; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 29 và Điều 30 tại Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2024.

